ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY ĂN ĐƯỢC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

Lã Thị Thùy[1,*], Đỗ Thị Xuyến[1], Nguyễn Trung Thành[1], Nguyễn Anh Đức[1], Nguyễn Thị Kim Thanh[1], Hà Văn Hoan[2], Nguyễn Tân Hiếu[2]

TÓM TẮT

Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây ăn được tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nhằm mục tiêu đề xuất các giải pháp khai thác, bảo tồn và phát triển bền vững. Kết quả nghiên cứu ghi nhận 341 loài thuộc 220 chi, 94 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch được sử dụng làm thực phẩm. Có 11 dạng sống khác nhau được xác định làm thực phẩm, nhiều nhất là dạng cây bụi với 62 loài (chiếm 18,18%). Có 9 bộ phận của cây ăn được đã được thống kê. Bên cạnh đó, ghi nhận cách chế biến món ăn độc đáo với sự kết hợp của nhiều loại gia vị. Có 36 loài thuộc loại quý, hiếm, nguy cấp cần được bảo vệ theo các tiêu chí đánh giá của Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 84/2021/NĐ -CP và Danh lục Đỏ IUCN (2021). Nghiên cứu cũng ghi nhận 13 loài thực vật có giá trị được đem bán trên thị trường.

Từ khóa: *Cây ăn được, cộng đồng Vân Kiều, lâm sản ngoài gỗ, Quảng Trị.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Bảo tồn Thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị với diện tích tự nhiên 23.456,71 ha là khu vực có tính đa dạng sinh học cao, có vai trò quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn, điều tiết nguồn nước, bảo vệ môi trường và tạo sinh kế xã hội. Nơi đây còn là khu vực sinh sống của đồng bào Vân Kiều (chiếm khoảng 70%) với bản sắc văn hoá độc đáo, đời sống gắn bó mật thiết với rừng, có kinh nghiệm khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ.

Cây ăn được là một nhóm lâm sản ngoài gỗ có vai trò quan trọng với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với cộng đồng cư dân sống gần rừng. Tuy nhiên, việc thống kê thành phần loài trong nhóm cây ăn được chưa đầy đủ. Chính vì vậy, nghiên cứu đa dạng các loài cây ăn được tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên này là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp kế thừa:* Kế thừa các tài liệu đã có tại vùng nghiên cứu, từ đó xác định các hoạt động điều tra bổ sung và cập nhật kết quả nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra cộng đồng*: Điều tra phỏng vấn, thu thập thông tin được tiến hành theo các phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học của Gary J. Martin (2002) [7]. Cụ thể: Phương pháp RRA (Rural Rapid Appraisal): Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn. Phương pháp PRA (Participatory Rapid/Rural Appraisal): Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân. Tổng số 40 hộ gia đình là cư dân bản địa Vân Kiều đã được lựa chọn phỏng vấn nhằm cung cấp các thông tin cần thiết và chỉ dẫn trên các tuyến điều tra. Các hộ gia đình được lựa chọn là những hộ gia đình có sự hiểu biết về các loài thực vật làm thực phẩm.

- *Điều tra thực địa và thu thập các mẫu thực vật* theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [9]. Đã thiết lập 11 tuyến điều tra thực địa. Tuyến 1: Trạm bảo vệ rừng khu vực Sa Mù, xã Hướng Phùng đến đỉnh Sa Mù. Tuyến 2: Trạm bảo vệ rừng khu vực Sa Mù, xã Hướng Phùng dọc theo suối đến đỉnh Sa Mù. Tuyến 3: Trạm bảo vệ rừng khu vực Sa Mù, xã Hướng Phùng đi tiểu khu 637 Hướng Việt. Tuyến 4. Trạm Kiểm lâm Hướng Lập đến Thôn Cựp. Tuyến 5. Trạm Kiểm lâm Hướng Lập đến suối Chà Lỳ, tiểu khu 612. Tuyến 6. Trạm Kiểm lâm Hướng Lập đến bản A Xoóc đi đường Động Brai. Tuyến 7. Trung tâm xã Hướng Sơn đến Thôn Hồ, suối Bụi Ho, núi Nanh Sáng. Tuyến 8. Thôn Pin, xã Hướng Sơn đi tiểu khu 670A đến đỉnh Pa Thiên (Hướng Linh). Tuyến 9. Thôn Pin đi tiểu khu 670A, Khe Sứt đến TK 666 khu

[1] Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
[*] Email: lathithuy87@hus.edu.vn
[2] Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

vực xã Hướng Linh. Tuyến 10. Trung tâm xã Hướng Sơn, thôn Pin đi tiểu khu 670A, Khe Pa Chuông. Tuyến 11. Trung tâm xã Hướng Linh, thôn Mới, thôn Xa Bai, rừng phục hồi tiểu khu 667A. Tiến hành điều tra tất cả các loài thực vật có khả năng ăn được nằm ở phạm vi 10 m mỗi bên của tuyến điều tra. Mỗi loài lấy từ 3 tiêu bản đến 6 tiêu bản. Các mẫu thu được phải có đầy đủ tiêu chuẩn để phân loại. Bên cạnh đó, các bộ phận sử dụng do người dân cung cấp thông tin cũng được thu thập để nghiên cứu giá trị sử dụng.

- Phương pháp phân loại và xác định loài

Giám định tên loài bằng phương pháp hình thái so sánh, theo tài liệu của Nguyễn Tiến Bân (2003, 2005) [1], Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000) [6], Nguyễn Quốc Bình (2009) [2], Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2004, 2007) [9], [10], [11], Võ Văn Chi và Trần Hợp (1999) [4] và các tài liệu chuyên khảo khác.

- Phương pháp chuyên gia: Việc phân loại thực vật được sự hỗ trợ của các chuyên gia về thực vật của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xác định các loài quý, hiếm, nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [3], Danh lục Đỏ IUCN (2021) [12], Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ [5].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài cây ăn được ở Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Kết quả điều tra, thu thập số liệu và phỏng vấn người dân địa phương, đã xác định được thành phần loài thực vật ăn được gồm 341 loài, 220 chi, 94 họ, thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta), Ngọc Lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ gồm 11 loài, 9 chi, thuộc 9 họ. Ngành Thông gồm 5 loài, 1 chi, thuộc 1 họ. Ngành Ngọc Lan chiếm số lượng loài nhiều nhất gồm 325 loài, 210 chi, thuộc 84 họ. Thành phần loài thực vật ăn được có sự phân bố không đều ở các ngành. Ngành Ngọc Lan có 325 loài, 210 chi, 84 họ chiếm số lượng cao nhất. Chi tiết về phân bố taxon thuộc các ngành thực vật bậc cao có mạch được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Số lượng taxon trong các ngành thực vật

Ngành		Họ		Chi		Loài	
Tên phổ thông	Tên khoa học	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Dương xỉ	- Polypodiophyta	9	9,58	9	4,1	11	3,23
- Thông	- Pinophyta	1	1,06	1	0,45	5	1,47
- Ngọc Lan	- Magnoliophyta	84	89,36	210	95,45	325	95,3
+ Lớp Ngọc Lan	+ Magnoliopsida	74	78,72	188	85,45	291	85,33
+ Lớp Hành	+ Liliopsida	10	10,64	22	10	34	9,97
Tổng		94	100	220	100	341	100

Như vậy, hầu hết các loài thực vật ăn được thuộc ngành Ngọc Lan (chiếm trên 89% ở tất cả các bậc phân loại). Trong ngành Ngọc Lan, lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 291 loài (85,33%), 188 chi (85,45%) và 74 họ (78,72%), lớp Hành (Liliopsida) có 34 loài (9,97%), 22 chi (10%) và 10 họ (10,64%). Các họ thực vật giàu loài nhất là họ Bầu bí (Cucurbitaceae) với 16 loài, 2 họ gồm họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) và họ Cúc (Asteraeceae) cùng có 14 loài, họ Dẻ (Fagaceae) 13 loài, họ Dâu tằm (Moraceae) 12 loài, họ Đậu (Fabaceae) 11 loài. Chi Mâm xôi (*Rubus*) đa dạng nhất với 8 loài, chi Bứa (*Garcinia*) 7 loài, 2 chi gồm chi Sung (*Ficus*) và chi Dẻ đá (*Lithocarpus*) cùng có 6 loài, 2 chi gồm chi Cam chanh (*Citrus*) và chi Trâm (*Syzygium*) cùng có 5 loài. Kết quả phân tích cho thấy, thành phần loài thực vật ăn được tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị khá đa dạng và phong phú.

3.2. Đa dạng về dạng sống của thực vật ăn được

Việc phân chia các dạng sống tại khu vực nghiên cứu được tổng hợp ở bảng 2.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, đã ghi nhận được 11 dạng sống. Trong đó, nhiều nhất là dạng cây bụi với 62 loài (chiếm 18,18%), nhóm này phân bố ở hầu hết các sinh cảnh như ven bìa rừng, trong rừng, ven suối,... tập trung nhiều ở họ Sim (Myrsinaceae), họ Táo (Rhamnaceae), họ Hoa hồng (Rosaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Cam chanh (Rutaceae),... tiếp đến là nhóm cây gỗ nhỡ 59 loài (17,3%), nhóm này phân bố trong rừng, các họ đại diện như: họ Dâu tằm (Moraceae), họ Dẻ (Fagaceae), họ Đào lộn hột